

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Bích Đào - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/8/2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, Theo Quyết định mở phiên họp số 27/2019/QĐ-TA ngày 04 tháng 10 năm 2019 bao gồm những người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình sau đây:

1. Anh Lê Hải B, sinh ngày 06/5/1987, địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chị Lê Thị H, sinh ngày 07/10/1989, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Đài Loan.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai cũng như tại phiên họp, anh Lê Hải B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn ngày 30/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh B đi lao động nước ngoài. Chị H vẫn sống cùng gia đình anh tại thôn L, xã X, tuy nhiên, cuộc sống chung với các thành viên trong gia đình chồng đã xảy ra nhiều bất đồng mâu thuẫn, dẫn đến những sứt mẻ trong tình cảm của vợ chồng anh chị. Năm 2016, anh về nước nhưng vợ chồng đã xảy ra xung đột. Anh bị cơ quan chức năng lập

biên bản xử lý hành chính về hành vi gây thương tích cho người khác. Từ đó, mâu thuẫn càng trầm trọng. Năm 2016, chị H đi lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên anh làm đơn yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Minh H, sinh ngày 13/10/2013 và Lê Thị Huyền T, sinh ngày 24/3/2016. Anh B yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Minh H, giao cháu Lê Thị Huyền T cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Tuy nhiên, trong thời gian chị Hạnh chưa về nước anh vẫn tiếp tục chăm sóc các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị H trình bày bằng văn bản có nội dung như sau: Chị và anh Lê Hải B đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống hạnh phúc được 1 tháng thì anh B đi lao động nước ngoài. Thời gian này, cuộc sống vợ chồng dù không sống gần nhau nhưng vẫn thường xuyên liên lạc. Đầu năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B đã có tình cảm nam nữ với người phụ nữ khác. Năm 2016, anh B về nước, nhưng vợ chồng chị không ăn chung, ngủ chung. Anh B yêu cầu ly hôn nhưng chị không đồng ý. Năm 2017, chị đi lao động tại Đài Loan, anh B đã đưa người phụ nữ khác về sống chung như vợ chồng tại nhà bố mẹ đẻ. Nay, nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, chị đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Lê Hải B. Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc cháu Lê Thị Huyền T, giao con chung Lê Minh H cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, do điều kiện công việc nên chị yêu cầu được xét xử vắng mặt, ủy quyền việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị H xuất cảnh ngày 08/11/2016 hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Đồng thời chị có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Nguyễn Thị H. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị H theo thủ tục chung .

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hải B và chị Lê Thị H đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc cùng nhau được một thời gian ngắn thì anh B đi lao động nước ngoài. Từ cuối năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, nguyên nhân gây mâu thuẫn, hai anh chị trình bày khác nhau nhưng đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và mong muốn được ly hôn.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của anh Lê Hải B và chị Lê Thị H không đạt được mục đích đó. Cả hai anh chị đã không cố gắng tìm tiếng nói chung mà để mâu thuẫn kéo dài, không còn khả năng hàn gắn.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....” (Điều 55).

Như vậy, anh B và chị H đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Các cháu Lê Minh H, sinh ngày 13/10/2013 và Lê Thị Huyền T, sinh ngày 24/3/2016 đều đang sống cùng anh B tại xã X. Các cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Anh Lê Hải B và chị Lê Thị H đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Theo đó, anh B đảm nhận việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; chị H đảm nhiệm việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu T.

Sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như giới tính của các cháu và hoàn cảnh của mỗi bên, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu H và cháu T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hải B và chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giao con chung Lê Minh H, sinh ngày 13/10/2013 cho anh Lê Hải B, giao cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 24/3/2016 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. (Trong thời gian chị H chưa về nước, anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Huyền T). Anh B và chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị anh Lê Hải B (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 001336 ngày 20/8/2019 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Ủy ban nhân dân xã X;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

Nguyễn Thị Bích Đào